

UBND HUYỆN MUỜNG CHẢ
TRƯỜNG MẨM NON SỐ 2 SẢ TỜNG

CỜNG HỎA XẢ HỢI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sả Tờng, ngày 3 tháng 12 năm 2024

DANH SÁCH
NGƯỜI CỎ NGHĨA VỤ KẾ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2024

TT	Họ và tên	Giới tính (Nam/nữ)	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ/Chức danh công tác	Cơ quan/đơn vị công tác	Ghi chủ
I	Kế khai lần đầu: (0 Đồng chí)					
II	Kế khai hàng năm: (03 đồng chí)					
1	Lò Thị Liên Dương	Nữ	17/08/1989	Hiệu trưởng	Trường MN số 2 Sả Tờng	
2	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	27/01/1990	Phó Hiệu trưởng	Trường MN số 2 Sả Tờng	
3	Mào Thị Hải	Nữ	13/03/1992	Phó Hiệu trưởng	Trường MN số 2 Sả Tờng	
III	Kế khai bổ sung: (0 Đồng chí)					

Ngày 3 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỜNG ĐƠN VỊ



Mào Thị Hải



Lò Thị Liên Dương

số: 78/KH-MNS2ST

Sá Tổng, ngày 03 tháng 12 năm 2024

KẾ HOẠCH KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2024

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (Luật PCTN);

Căn cứ Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính Phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Căn cứ công văn số 2126/UBND-TTTr ngày 29/11/2023 của UBND huyện Mường Chà về việc hướng dẫn công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 theo quy định của Luật PCTN;

Căn cứ công văn số 2291/UBND-TTTr ngày 05/11/2024 của UBND huyện Mường Chà về việc tổ chức thực hiện kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Luật PCTN;

Căn cứ công văn số 1155/KH-PGDĐT ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà về kế hoạch tổ chức, thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2024;

Trường Mầm non số 2 Sá Tổng xây dựng kế hoạch thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Để đánh giá đúng số lượng, chất lượng đối với người có nghĩa vụ kê khai; Không trùng lặp, tránh thiếu sót đối tượng cần phải kê khai, nhằm minh bạch tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai; Phục vụ cho công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức góp phần phòng ngừa và ngăn chặn hành vi tham nhũng tại cơ quan, đơn vị mình phụ trách.

2. Yêu cầu:

Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập phải kê khai rõ ràng, đầy đủ, trung thực và đúng thời hạn các thông tin về số lượng, giá trị tài sản, thu nhập và giải trình những biến động về tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định và thông tư, nhằm không để xảy ra vi phạm phải xem xét xử lý.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Đối tượng kê khai năm 2024:

Đối tượng thực hiện kê khai là người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại mục b, Khoản 1, khoản 2, khoản 3, Điều 36 của Luật PCTN năm 2018 và quy định chi tiết tại Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của chính phủ; Tài sản, thu nhập phải kê khai được quy định tại Khoản 1, Điều 35 của Luật PCTN năm 2018.

2. Trách nhiệm của người có nghĩa vụ kê khai: Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai rõ ràng, đầy đủ, chính xác các loại tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên (dưới 18 tuổi) vào bản kê khai và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ, rõ ràng của nội dung kê khai trong bản kê khai của mình.

3. Mẫu biểu kê khai: Việc kê khai tài sản, thu nhập được thực hiện theo Mẫu bản kê khai và hướng dẫn việc kê khai ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của chính phủ. (Theo mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập Mẫu số 01).

- Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai thuộc các đối tượng kê khai phải hoàn thành trước ngày 30/12/2024.

2. Hình thức công khai

Bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 được công khai bằng hình thức niêm yết.

- Thời gian niêm yết: 15 ngày (Trước ngày 30/12/2024)

- Phạm vi và địa điểm niêm yết:

+ Phạm vi: Được công khai trong phạm vi toàn trường.

+ Địa điểm niêm yết: Tại bảng thông tin nội bộ nhà trường (Đặt trong phòng văn phòng trường)

- Yêu cầu về niêm yết: Trong suốt quá trình niêm yết, không được tháo gỡ, bôi, tẩy xóa hay thay đổi nội dung.

- Thể thức văn bản được niêm yết:

+ Niêm yết bản kê khai của từng cá nhân

+ Bản kê khai phải được người kê khai ký ở từng trang và ký, ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai. (Tuy vậy người có nghĩa vụ kê khai tự lưu giữ 01 bản, để sau này kê khai bổ sung, kê khai hàng năm, có cơ sở để đối chiếu tài sản thu nhập tăng thêm, đảm bảo chính xác).

+ Ngày 03/12/2024: Tiến hành lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản của đơn vị.

+ Từ ngày 09/12/2024 đến ngày 12/12/2024 cá nhân tiến hành kê khai.

+ Trường MN số 2 Sá Tổng sau khi thực hiện việc kê khai bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai của đơn vị mình. Bàn giao bản kê khai cho UBKT Huyện uỷ (02 bản), (01 bản dán niêm yết, 01 bản lưu hồ sơ công khai tại trường). Thời gian hoàn thành: Trước ngày 27/12/2025.

+ Nhà Trường tổ chức thực hiện việc công khai bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai của đơn vị mình theo Khoản 1, 3, 4, 5 Điều 11 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ. Thời gian hoàn thành: Trước ngày 30/12/2024.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức việc kê khai, công khai kịp thời, đúng đối tượng, đúng trình tự thủ tục quy định tại Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính Phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; và hướng dẫn của công văn công văn số 1155/KH-PGDĐT ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà về kế hoạch tổ chức, thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2024;

2. Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo, tổ chức việc quản lý, sử dụng, khai thác bản kê khai theo qui định nhằm phát hiện vi phạm, xác minh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, xử lý người vi phạm, công khai kết luận xác minh, báo cáo về minh bạch tài sản, thu nhập theo đúng quy định.

3. Các cá nhân và bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ, quy trình đối với các công việc được phân công trong kế hoạch và các quy định của cấp trên.

4. Các cá nhân trong đối tượng phải kê khai tài sản cần nghiên cứu kỹ các văn bản và kê khai trung thực, rõ ràng theo quy định và hướng dẫn về kê khai, công khai và đúng với thời gian trong kế hoạch và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trong Bản kê khai.

5. Việc niêm yết Bản kê khai tài sản, thu nhập phải được lập thành biên bản để ghi nhận địa điểm niêm yết, thời điểm bắt đầu, thời điểm kết thúc và các phản ánh liên quan đến nội dung Bản kê khai (nếu có); việc lập biên bản phải có sự tham gia của BCH công đoàn và lãnh đạo đơn vị.

6. Phân công Ban Thanh tra nhân dân có trách nhiệm thu thập các ý kiến thắc mắc cần làm rõ liên quan đến nội dung bản kê khai.

7. Việc niêm yết công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập phải được tiến hành tại vị trí niêm yết đảm bảo an toàn, không làm mất, rách, nát và đủ điều kiện để mọi người trong đơn vị có thể xem các Bản kê khai.

8. Lập báo cáo gửi về phòng UBKT Huyện Ủy Mường Chà chậm nhất ngày 10/01/2025.

9. Kế hoạch này được công khai toàn trường và trên Website của trường.

Trên đây là Kế hoạch về việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 của trường mầm non số 2 Sá Tổng. Nhà trường rất mong nhận được sự chỉ đạo và hướng dẫn cụ thể hơn của cấp trên về công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập của các cá nhân để nhà trường thực hiện được tốt hơn về công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập của đơn vị./

Nơi nhận:

- Toàn trường
- HSCV
- Thanh tra huyện
- Lưu VT

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Liên Dương

Mẫu số 04:

UBND HUYỆN MUỐNG CHÀ
TRƯỜNG MN SỐ 2 SÁ TỎNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ THEO DÕI, GIAO NHẬN BẢN KÊ KHAI VỚI NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KÊ KHAI

TT	Thông tin Người có nghĩa vụ kê khai					Bản kê khai				Chữ ký của người Kê khai	Ghi chú
	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	chức vụ/ chức danh	Cơ quan/ đơn vị	Ngày nộp hàng năm	Ngày yêu cầu bổ sung/Kê khai lại	Ngày hoàn thành kê khai lại/kê khai bổ sung	Số trang		
1	Lò Thị Liên Dương	Nữ	17/08/1989	Hiệu trưởng	Trường MN số 2 Sá Tổng	12/12/2024			5		
2	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	27/1/1990	Phó Hiệu trưởng	Trường MN số 2 Sá Tổng	12/12/2024			5		
3	Mào Thị Hải	Nữ	13/03/1992	Phó Hiệu trưởng	Trường MN số 2 Sá Tổng	12/12/2024			4		

NGƯỜI LẬP

Mào Thị Hải

Ngày 12 tháng 12 năm 2024



Lò Thị Liên Dương

BIÊN BẢN HỌP

Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập hàng năm

Thời gian: Vào hồi 14h00, ngày 20 tháng 12 năm 2024

Địa điểm: Phòng hội đồng trường mầm non số 2 Sá Tổng

I. THÀNH PHẦN

1. Bà: Lò Thị Liên Dương - Chức vụ: Hiệu trưởng
2. Bà: Nguyễn Thị Nguyệt - Chức vụ: Phó hiệu trưởng
3. Bà: Mào Thị Hải - Chức vụ: Phó hiệu trưởng

Chủ trì cuộc họp: Lò Thị Liên Dương – Hiệu trưởng

Thư ký: Lò Thị Hằng – Giáo viên

Tổng số cán bộ, công chức của đơn vị: 41

- Có mặt: 38 (Chiếm 92,6%).

- Vắng mặt: 3 thai sản (Chiếm 7,3 %)

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP: Công khai các bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu của những người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập.

1. Sau khi đồng chí chủ tọa tuyên bố lý do và nội dung cuộc họp, các đồng chí trong cơ quan, gồm 3 đồng chí thuộc đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu lần lượt đọc Bản kê khai tài sản, thu nhập của mình.

2. Các ý kiến nhận xét:

- Ý kiến của Bà: Lò Thị Liên Dương, bản kê khai tài sản, thu nhập của các đồng chí kê khai trung thực, rõ ràng nhất trí với các nội dung các đồng chí kê khai.

- Ý kiến của Bà: Lò Thị Nguyệt– Tổ trưởng tổ mẫu giáo, các thông tin của từng đồng chí kê khai trong bản kê khai tài sản, thu nhập cơ bản rõ ràng, không bị tẩy xóa.

3. Toàn thể cơ quan đều nhất trí với các Bản kê khai của các đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập, đây là những bản kê khai trung thực và rõ ràng.

4. Các ý kiến khác:

- Ý kiến bà Lò Thị Loan - Đại diện Công đoàn, Bản kê khai tài sản của các đồng chí trung thực, rõ ràng nhất trí với các thông tin các đồng chí kê khai

III. KẾT THÚC

- Kết luận: Cuộc họp thống nhất, nhất trí với bản kê khai tài sản, thu nhập của 3 đồng chí thuộc diện kê khai đã thông qua tại cuộc họp.

- Biên bản kết thúc vào hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày, được thông qua tại cuộc họp với 100% ý kiến tán thành.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 16 giờ 10 phút, ngày 20 tháng 12 năm 2024.

THƯ KÝ



Lò Thị Hằng

**ĐẠI DIỆN CÔNG
ĐOÀN ĐƠN VỊ**



Lò Thị Loan

**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



Lò Thị Liên Dương

Mường Chà, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BIÊN BẢN

Bản giao bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024

Vào hồi 15... giờ 30... ngày 31.../12.../2024, tại Ủy ban kiểm tra (3), chúng tôi gồm:

1- Đại diện Trường MN Số 2 Sá Tông (2):

- Ông (bà) Nguyễn Thị Nguyệt chức vụ Phó Hiệu Trường

2- Đại diện Ủy Ban Kiểm Tra (4):

- Ông (bà) Đặng Văn Trường chức vụ Phó Chủ nhiệm

Đã bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 của đơn vị:
(2) Trường MN Số 2 Sá Tông cho Đ/C Đặng Văn Trường (4) để lưu trữ,
quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ gồm các tài liệu như sau:

- Danh sách đối tượng kê khai của đơn vị (lập theo mẫu 01) (01 bản)
- Kế hoạch kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 của đơn vị (01 bản).
- Sổ theo dõi, giao nhận bản kê khai với người có nghĩa vụ kê khai của đơn vị (01 bản).
- Biên bản công khai bản kê khai của đơn vị (01 bản).
- Bản kê khai tài sản thu nhập của các cá nhân theo quy định (có danh mục, số trang của mỗi bản kê khai) (03 bản).
- Biên bản bàn giao kê khai, hồ sơ kê khai tài sản, thu nhập (02 bản)
- Báo cáo Kết quả thực hiện công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập của (01 bản).

Việc giao nhận hồ sơ hoàn thành hồi 16 giờ 00... ngày 31.../12/2024

Biên bản bàn giao hồ sơ, tài liệu đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

Đại diện bên giao

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Nguyệt

Đại diện bên nhận

(Ký, ghi rõ họ tên)



Đặng Văn Trường

Mường Chà, ngày tháng năm 2024

BIÊN BẢN

Bản giao bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024

Vào hồi ...16... giờ... ngày 31.../...12.../2024 tại (3), chúng tôi gồm:

1- Đại diện ...Sùng A Dỏ... Trường MN số 2 Sá Tỏng..... (2):

- Ông (bà) ...Nguyễn Thị Ngọc Nguyệt..... chức vụ Phó Hiệu trưởng

2- Đại diện Thị xã Mường Chà..... (4):

- Ông (bà) ...Sùng A Dỏ..... chức vụ

Đã bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 của đơn vị:
(2) ...Sùng A Dỏ... Trường MN số 2 Sá Tỏng cho Đ/c Sùng A Dỏ..... (4) để lưu trữ,
quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ gồm các tài liệu như sau:

- Danh sách đối tượng kê khai của đơn vị (lập theo mẫu 01) (01 bản)
- Kế hoạch kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 của đơn vị (01 bản).
- Sổ theo dõi, giao nhận bản kê khai với người có nghĩa vụ kê khai của đơn vị (01 bản).
- Biên bản công khai bản kê khai của đơn vị (01 bản).
- Bản kê khai tài sản thu nhập của các cá nhân theo quy định (có danh mục, số trang của mỗi bản kê khai) (03 bản).
- Biên bản bàn giao kê khai, hồ sơ kê khai tài sản, thu nhập (02 bản)
- Báo cáo Kết quả thực hiện công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập của (01 bản).

Việc giao nhận hồ sơ hoàn thành hồi 16... giờ 30... ngày 31.../...12.../2024.

Biên bản bàn giao hồ sơ, tài liệu đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

Đại diện bên giao

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Ngọc Nguyệt

Đại diện bên nhận

(Ký, ghi rõ họ tên)



Sùng A Dỏ

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ
(Ngày 25 tháng 10 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **LÒ THỊ LIÊN DƯƠNG**, Ngày tháng năm sinh: 17/08/1989
- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non số 2 Sá Tổng
- Nơi thường trú: Số nhà 85, Tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 011189001209, ngày cấp 07/04/2021, nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính trật tự xã hội

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **BÙI NGỌC THÀNH**, Ngày tháng năm sinh: 21/07/1988
- Nghề nghiệp: Lái xe
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Trung tâm y tế thị xã Mường Lay - tỉnh Điện Biên
- Nơi thường trú: Số nhà 85, Tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 017088001029; ngày cấp: 07/04/202; nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính trật tự xã hội

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **BÙI NGỌC ÁNH**, Ngày tháng năm sinh: 18/11/2014
- Nơi thường trú: Số nhà 85, Tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Số định danh các nhân⁽³⁾: 011314004709

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: **BÙI MINH ĐẠT**, Ngày tháng năm sinh: 17/10/2016
- Nơi thường trú: Số nhà 85, Tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Số định danh các nhân⁽³⁾: 011216005923

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:



1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ 1:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên
- Diện tích⁽⁹⁾: 98,9m². Dài 14m, rộng 7,97
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 300.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: DI 515140, cấp ngày 27 tháng 07 năm 2023 do UBND thị xã Mường Lay Cấp, Người được cấp Bùi Ngọc Thành và Lò Thị Liên Dương
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Hiện nay tôi và gia đình đang sử dụng

1.1.2. Thửa thứ 2 :

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên
- Diện tích⁽⁹⁾: 100,1m². Dài 14m, rộng 7,13m
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 200.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CX 691182 cấp ngày 07 tháng 05 năm 2021 do UBND thị xã Mường Lay cấp, Người được cấp Bùi Ngọc Thành và Lò Thị Liên Dương
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹⁾: Hiện nay tôi và gia đình đang sử dụng

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Số nhà 85, tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 66,40 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 500.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: DI 515140, cấp ngày 27 tháng 07 năm 2023 do UBND thị xã Mường Lay Cấp, Người được cấp Bùi Ngọc Thành và Lò Thị Liên Dương
- Thông tin khác (nếu có): Hiện nay tôi và gia đình đang sử dụng

2.1.1. Nhà thứ hai:

- Địa chỉ: Số nhà 83, tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng: 61,06⁽¹⁵⁾
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 100.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CX 691182 cấp ngày 07 tháng 05 năm 2021 do UBND thị xã Mường Lay cấp, Người được cấp Bùi Ngọc Thành và Lò Thị Liên Dương
- Thông tin khác (nếu có): Hiện nay gia đình đang sử dụng

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không

- Loại cây: Số lượng: cây, Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Gửi tiết kiệm 120 triệu đồng tại bưu điện thị xã Mường Lay năm 2023.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:
- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:
- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không

- Hình thức góp vốn: Giá trị:
- Hình thức góp vốn: Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:
- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: 1 xe máy SH Số đăng ký: 001533 Giá trị: 75.000.000
- Tên tài sản: 1 xe ô tô cũ loại xe INNOVA Số đăng ký: 000115 Giá trị: 100.000.000đ

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không



- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:
 - Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:
 - Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 364.256.000đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 167.256.000đ
 - Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 70.000.000đ
 - Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không
 - Tổng các khoản thu nhập chung: 364.256.000 đ trong đó 127.000.000đ là tiền tiết kiệm và tiền lãi gửi từ năm 2023.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng (30)/giảm (31)		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ		120.000.000	1 Số tiết kiệm

50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). Xe máy, số đăng ký : 001533 Mua Ô tô cũ xe Innova, số đăng ký:000115 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai(32).	1 +1	75 triệu 100 triệu 364.256.000đ	Mua từ tiền lương hai vợ chồng - Tăng lương và các khoản phụ cấp 18.856.000. Và 127 triệu tiền gửi tiết kiệm và lãi năm 2023

Sá Tổng, ngày 25 tháng 10 năm 2024
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Sá Tổng, ngày 25 tháng 10 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Lò Thị Liên Dương

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 12 tháng 12 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **LÒ THỊ LIÊN DƯƠNG**, Ngày tháng năm sinh: 17/08/1989
- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non số 2 Sá Tổng
- Nơi thường trú: Số nhà 85, Tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 011189001209, ngày cấp 07/04/2021, nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính trật tự xã hội

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **BÙI NGỌC THÀNH**, Ngày tháng năm sinh: 21/07/1988
- Nghề nghiệp: Lái xe
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Trung tâm y tế thị xã Mường Lay - tỉnh Điện Biên
- Nơi thường trú: Số nhà 85, Tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 017088001029; ngày cấp: 07/04/202; nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính trật tự xã hội

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **BÙI NGỌC ÁNH**, Ngày tháng năm sinh: 18/11/2014
- Nơi thường trú: Số nhà 85, Tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Số định danh các nhân⁽³⁾: 011314004709

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: **BÙI MINH ĐẠT**, Ngày tháng năm sinh: 17/10/2016
- Nơi thường trú: Số nhà 85, Tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Số định danh các nhân⁽³⁾: 011216005923

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ 1:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên
- Diện tích⁽⁹⁾: 98,9m². Dài 14m, rộng 7,97
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 300.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: DI 515140, cấp ngày 27 tháng 07 năm 2023 do UBND thị xã Mường Lay Cấp, Người được cấp Bùi Ngọc Thành và Lò Thị Liên Dương
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Hiện nay tôi và gia đình đang sử dụng

1.1.2. Thửa thứ 2 :

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên
- Diện tích⁽⁹⁾: 100,1m². Dài 14m, rộng 7,13m
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 200.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CX 691182 cấp ngày 07 tháng 05 năm 2021 do UBND thị xã Mường Lay cấp , Người được cấp Bùi Ngọc Thành và Lò Thị Liên Dương
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹⁾: Hiện nay tôi và gia đình đang sử dụng

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Số nhà 85, tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 66,40 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 500.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: DI 515140, cấp ngày 27 tháng 07 năm 2023 do UBND thị xã Mường Lay Cấp, Người được cấp Bùi Ngọc Thành và Lò Thị Liên Dương
- Thông tin khác (nếu có): Hiện nay tôi và gia đình đang sử dụng

2.1.1. Nhà thứ hai:

- Địa chỉ: Số nhà 83, tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng: 61,06⁽¹⁵⁾
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 100.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CX 691182 cấp ngày 07 tháng 05 năm 2021 do UBND thị xã Mường Lay cấp , Người được cấp Bùi Ngọc Thành và Lò Thị Liên Dương
- Thông tin khác (nếu có): Hiện nay gia đình đang sử dụng

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không



3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không

- Loại cây: Số lượng: cây, Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Gửi tiết kiệm 120 triệu đồng tại bưu điện thị xã Mường Lay năm 2023.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:
- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:
- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không

- Hình thức góp vốn: Giá trị:
- Hình thức góp vốn: Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:
- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: 1 xe máy SH Số đăng ký: 001533 Giá trị: 75.000.000
- Tên tài sản: 1 xe ô tô cũ loại xe INNOVA Số đăng ký: 000115 Giá trị: 100.000.000đ

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không



- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:
 - Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 420.364.000đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 206.364.000đ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 84.000.000đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không

- Tổng các khoản thu nhập chung: 420.364.000 đ trong đó 130.000.000đ là tiền tiết kiệm và tiền lãi gửi từ năm 2023.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng (30)/giảm (31)		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ	1 Số tiết kiệm	120.000.000	

50 triệu đồng trở lên.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu

6.2. Trái phiếu

6.3. Vốn góp

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác

7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).

Xe máy, số đăng ký : 001533

Mua Ô tô cũ xe Innova, số đăng ký:000115

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).

8. Tài sản ở nước ngoài.

9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai(32).

1

75 triệu

+1

100 triệu

Mua từ tiền lương hai vợ chồng

420.364.000đ

- Tăng lương và các khoản phụ cấp 28.284.000. Và 130 triệu tiền gửi tiết kiệm và lãi năm 2023

Sá Tổng, ngày 12 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Sá Tổng, ngày 12 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lò Thị Liên Dương

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾
(Ngày 20 tháng 10 năm 2024)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ NGUYỆT**, Ngày tháng năm sinh: 27/01/1990
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non số 2 SáTông
- Nơi thường trú: Số nhà 65, BảnĐór, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 011190001230, ngày cấp 16/04/2021, nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **ĐIỀU CHÍNH CHIẾN**, Ngày tháng năm sinh: 16/03/1988
- Nghề nghiệp: Lái xe
- Nơi làm việc ⁽⁴⁾: Công ty TNHHĐT&XD Mạnh Quân, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên
- Nơi thường trú: Số nhà 65, Bản Đór, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 011088001020; ngày cấp: 16/04/2021; nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **ĐIỀU CHÍNH THỊNH**, Ngày tháng năm sinh: 28/01/2022
- Nơi thường trú: Số nhà 65, Bản Đór, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 011222000207, ngày cấp nơi cấp.....

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: **ĐIỀU NGUYỄN NGỌC ANH**, Ngày tháng năm sinh: 28/01/2022
- Nơi thường trú: Số nhà 65, Bản Đór, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 011322000181 ngày

[Chữ ký]

cấp nơi cấp.....

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ 1:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Bản Đór, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên
- Diện tích⁽⁹⁾: 300,7 m², Rộng 20,05m2, dài 15,32m2
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 400.000.000đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CE 733878, Người được cấp: Điều Chính Chiến
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Đất do bố mẹ chồng trao tặng năm 2020 hiện tại gia đình đang ở

1.1.2. Thửa thứ 2 :

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tổ 9, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên
- Diện tích⁽⁹⁾: 100,8m².
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 150.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CM 123904, Người được cấp: Điều Chính Chiến – Nguyễn Thị Nguyệt
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:.....

1.1.3. Thửa thứ 3:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên
- Diện tích⁽⁹⁾: 98,7 m², chiều rộng 7,05m2, chiều dài 14m2
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 350.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: DI 515119, Người được cấp: Điều Chính Chiến – Nguyễn Thị Nguyệt
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Hiện nay đang cho thuê cùng với nhà ở

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Số nhà 65, Bản Đór, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
 - Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ
 - Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 120,55 m² - Diện tích sàn 70,5m2
 - Giá trị⁽¹⁰⁾: 400.000.000 đồng
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu: CE 733878, Người được cấp: Điều Chính Chiến
 - Thông tin khác (nếu có):.....
- #### **2.1.2. Nhà thứ hai:**

- Địa chỉ: Số nhà 75, Tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích xây dựng⁽¹⁵⁾: 98,7 m², Diện tích sàn: 98,7m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 200.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: DI 515119, Người được cấp: Điều Chính Chiến - Nguyễn Thị Nguyệt
- Thông tin khác (nếu có): Hiện tại đang cho thuê 2.000.000 đồng/ 1 tháng thuê từ tháng 01/2024 hết tháng 12/2024.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không

- Loại cây: Số lượng: cây, Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:
- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:
- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không

- Hình thức góp vốn: Giá trị:
- Hình thức góp vốn: Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:
- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

Nguyễn Thị Nguyệt

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: Không

- Tên tài sản: Số đăng ký: Giá trị:

- Tên tài sản: Số đăng ký: Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 282.116.000đ

+ Từ tháng 1/2024 đến 30/6/2024: 146.298.000đ

+ Từ tháng 7/2024 đến 31/10/2024: 115.800.000đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 162.116.000đ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 100.000.000đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không

- Tổng các khoản thu nhập chung (từ tiền cho thuê nhà): 2.000.000đ x 10 tháng
= 20.000.000đ.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng (30)/giảm (31)		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi			

[Chữ ký]

cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu

6.2. Trái phiếu

6.3. Vốn góp

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác

7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).

8. Tài sản ở nước ngoài.

9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai(32).

+282.116.000đ

- Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp (lý do tăng thêm do: tăng lương 18.268.000đ Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp, tăng 20.000.000đ từ tiền cho thuê nhà

Sá Tổng., ngày 25 tháng 10 năm 2024

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Sá Tổng, ngày 20 tháng 10 năm 2024

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Nguyệt

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾
(Ngày 12 tháng 12 năm 2024)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ NGUYỆT**, Ngày tháng năm sinh: 27/01/1990
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non số 2 SáTông
- Nơi thường trú: Số nhà 65, BảnĐớ, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 011190001230, ngày cấp 16/04/2021, nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **ĐIỀU CHÍNH CHIẾN**, Ngày tháng năm sinh: 16/03/1988
- Nghề nghiệp: Lái xe
- Nơi làm việc ⁽⁴⁾: Công ty TNHHĐT&XD Mạnh Quân, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên
- Nơi thường trú: Số nhà 65, Bản Đớ, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 011088001020; ngày cấp: 16/04/2021; nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

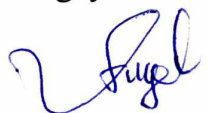
3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **ĐIỀU CHÍNH THỊNH**, Ngày tháng năm sinh: 28/01/2022
- Nơi thường trú: Số nhà 65, Bản Đớ, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 011222000207, ngày cấp nơi cấp.....

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: **ĐIỀU NGUYỄN NGỌC ANH**, Ngày tháng năm sinh: 28/01/2022
- Nơi thường trú: Số nhà 65, Bản Đớ, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 011322000181 ngày



cấp nơi cấp.....

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ 1:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Bản Đór, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên
- Diện tích⁽⁹⁾: 300,7 m², Rộng 20,05m2, dài 15,32m2
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 400.000.000đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CE 733878, Người được cấp: Điều Chính Chiến
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Đất do bố mẹ chồng trao tặng năm 2020 hiện tại gia đình đang ở

1.1.2. Thửa thứ 2 :

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tổ 9, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên
- Diện tích⁽⁹⁾: 100,8m².
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 150.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CM 123904, Người được cấp: Điều Chính Chiến – Nguyễn Thị Nguyệt
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.3. Thửa thứ 3:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên
- Diện tích⁽⁹⁾: 98,7 m², chiều rộng 7,05m2, chiều dài 14m2
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 350.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: DI 515119, Người được cấp: Điều Chính Chiến – Nguyễn Thị Nguyệt
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Hiện nay đang cho thuê cùng với nhà ở

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Số nhà 65, Bản Đór, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 120,55 m² - Diện tích sàn 70,5m2
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 400.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: CE 733878, Người được cấp: Điều Chính Chiến
- Thông tin khác (nếu có):.....

2.1.2. Nhà thứ hai:

Nguyễn Thị Nguyệt

- Địa chỉ: Số nhà 75, Tổ 4, Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích xây dựng⁽¹⁵⁾: 98,7 m², Diện tích sàn: 98,7m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 200.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: DI 515119, Người được cấp: Điều Chính Chiến - Nguyễn Thị Nguyệt
- Thông tin khác (nếu có): Hiện tại đang cho thuê: 2.000.000 đồng/1 tháng thuê từ tháng 01/2024 hết tháng 12/2024.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không

- Loại cây: Số lượng: cây, Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không

- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:
- Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không

- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:
- Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không

- Hình thức góp vốn: Giá trị:
- Hình thức góp vốn: Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:
- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: Không

- Tên tài sản: Số đăng ký: Giá trị:

- Tên tài sản: Số đăng ký: Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 363.998.000đ

+ Từ tháng 1/2024 đến 30/6/2024: 146.298.000đ

+ Từ tháng 7/2024 đến 31/12/2024: 173.700.000đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 199.998.000đ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 120.000.000đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không

- Tổng các khoản thu nhập chung (từ tiền cho thuê nhà): 2.000.000đ x 12tháng = 24.000.000đ.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng (30)/giảm (31)		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi			



BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM ⁽¹⁾
(Ngày 12 tháng 12 năm 2024)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **MÀO THỊ HẢI**, Ngày tháng năm sinh: 13/03/1992
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu Trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường MN số 2 Sá Tổng
- Nơi thường trú: Bản Chi Luông I, Phường Na Lay, thị Xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 011192001089 ngày cấp 07/04/2021, nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN TIẾN HỢP**, Ngày tháng năm sinh: 10/01/1990
- Nghề nghiệp: Bộ đội
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Bộ chỉ huy biên phòng tỉnh Điện Biên
- Nơi thường trú: Bản Na Lan - phường Thanh Trường – Tỉnh Điện Biên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 011090006682, ngày cấp 7/01/2022. nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH**, Ngày tháng năm sinh: 09/08/2017
- Nơi thường trú: Bản Chi Luông I, Phường Na Lay, thị Xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 011317007859 ngày cấp nơi cấp.....

3.2. Con thứ hai: Không

- Họ và tên:, Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: ngày cấp nơi cấp.....

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ 1: Không

- Địa chỉ⁽⁸⁾:
- Diện tích⁽⁹⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:



- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾., Người được cấp:
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾
- 1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không**
- 2. Nhà ở, công trình xây dựng: Không**
- 2.1. Nhà ở: Không**
- 2.1.1. Nhà thứ nhất: Không**
 - Địa chỉ:
 - Loại nhà⁽¹⁴⁾:
 - Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾:
 - Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
 - Thông tin khác (nếu có):
- 2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không**
- 3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không**
- 3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không**
 - Loại cây: Số lượng:, Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:**
 - Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Loại rừng: Diện tích: Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không**
 - Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:
 - Tên gọi: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. Không**
- 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Không**
- 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không**
- 6.1. Cổ phiếu: Không**
 - Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:
 - Tên cổ phiếu: Số lượng: Giá trị:
- 6.2. Trái phiếu: Không**
 - Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:
 - Tên trái phiếu: Số lượng: Giá trị:
- 6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không**
 - Hình thức góp vốn: Giá trị:
 - Hình thức góp vốn: Giá trị:
- 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không**
 - Tên giấy tờ có giá: Giá trị:
 - Tên giấy tờ có giá: Giá trị:
- 7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:**
- 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn**

Handwritten signature

máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: Xe máy SH mode : Số đăng ký: 001583 Giá trị: 60.000.000 đồng
- Tên tài sản: Số đăng ký: Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:
- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 353.314.000đ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 172.822.000đ
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 180.492.000đ
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không
- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng (30)/giảm (31)		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá			



trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai(32).			
		+ 353.314.000đ	- Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp (Lý do tăng là tăng lương và các khoản phụ cấp của vợ chồng 96.046.000đ)

Sá Tổng, ngày 12 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Go Lu, Loan

Sá Tổng, ngày 12 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Mào Thị Hải

Số: 80 /BC-MNS2ST

Sá Tổng, ngày 20 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập của người
có nghĩa vụ kê khai thuộc Trường mầm non số 2 Sá Tổng năm 2024.**

Kính gửi: - Ban thường vụ huyện Ủy

Thực hiện công văn 2291/UBND-TTr ngày 05/11/2024 của UBND huyện Mường Chà về việc hướng dẫn công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 theo quy định của Luật PCTN; Công văn số 285b/KH –UBND ngày 08/11/2024 của UBND huyện Mường Chà kế hoạch triển khai thực hiện việc kê khai và công khai bản kê khai tài sản thu nhập lần đầu, hằng năm và bổ sung năm 2024; Công văn số 1155 /PGDDT-KH ngày 25/11/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà V/v Hướng dẫn công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 theo quy định của Luật PCTN. Trường mầm non số 2 Sá Tổng báo cáo kết quả thực hiện công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai với những nội dung như sau:

1. Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện.

** Công tác chỉ đạo và xây dựng kế hoạch kê khai, công khai TSTN:*

Căn cứ các văn bản hướng dẫn, đơn đốc, nhà trường đã lập kế hoạch và danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập, xây dựng kế hoạch công khai và hình thức công khai. Đồng thời phân công nhiệm vụ rõ ràng, chi tiết cho từng thành viên và báo cáo kết quả thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập về cơ quan quản lý cấp trên.

Trong quá trình triển khai thực hiện việc minh bạch và công khai tài sản, thu nhập, nhà trường đã rất thuận lợi trong việc chỉ đạo triển khai. Tất cả các đối

tượng thuộc trong diện phải kê khai của nhà trường đều đã chấp hành nghiêm túc việc kê khai và đúng thời gian quy định.

** Công tác phổ biến, quán triệt các quy định về kiểm soát TSTN:*

- Nhà trường đã triển khai Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Triển khai công văn số 2291/UBND-TTr ngày 05 tháng 11 năm 2024 của UBND huyện Mường Chà hướng dẫn công tác kê khai tài sản thu nhập năm 2024 theo quy định của PCTN

Công văn số 285b/KH –UBND ngày 08/11/2024 của UBND huyện Mường Chà kế hoạch triển khai thực hiện việc kê khai và công khai bản kê khai tài sản thu nhập lần đầu, hằng năm và bổ sung năm 2024

Công văn số 1155/KH-PGDĐT ngày 25 tháng 11 năm 2024 của phòng giáo dục và đào tạo huyện Mường Chà V/v hướng dẫn công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 theo quy định của Luật PCTN

** Các văn bản chỉ đạo, đơn đốc, triển khai thực hiện ban đầu:*

- Thực hiện kế hoạch số 78/KH-MNNN ngày 03 tháng 12 năm 2024, Kế hoạch kê khai tài sản, thu nhập năm 2024;

- Thực hiện lập sổ theo dõi, biên bản bàn giao, nghiêm túc tổ chức công khai bản kê khai tài sản hàng năm của người có nghĩa vụ kê khai tại đơn vị.

- Thực hiện hướng dẫn các đối tượng cần kê khai theo đúng hướng dẫn và lập hồ sơ kê khai nộp đúng thời gian quy định.

2. Kết quả thực hiện

TT	NỘI DUNG	ĐV	SỐ LIỆU
I	Kê khai tài sản, thu nhập		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc đã tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	CQTCĐV	1

	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	100
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này	CQTCĐV	0
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	0
3	Kết quả kê khai tài sản, thu nhập lần đầu		0
	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu	Người	0
	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập lần đầu	Người	0
4	Kết quả kê khai tài sản, thu nhập hàng năm		
	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập hàng năm	Người	3
	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập hàng năm	Người	3
5	Kết quả kê khai tài sản, thu nhập bổ sung		
	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung	Người	0
	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập bổ sung	Người	0
			0
II	Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc đã tổ chức thực hiện việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQTCĐV	1
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	100
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này	CQTCĐV	0
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	0
3	Số bản kê khai đã được công khai	Bản KK	3
	Tỷ lệ so với tổng số bản kê khai	%	100
4	Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết	Bản KK	3

3. Đánh giá chung và kiến nghị

Trường Mầm non số 2 Sá Tổng đã tổ chức thực hiện nghiên túc Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (Luật PCTN); Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Thực hiện công văn

2291/UBND-TTr ngày 05/11/2024 của UBND huyện Mường Chà về việc hướng dẫn công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 theo quy định của Luật PCTN; Công văn số 285b/KH –UBND ngày 08/11/2024 của UBND huyện Mường Chà kế hoạch triển khai thực hiện việc kê khai và công khai bản kê khai tài sản thu nhập lần đầu, hằng năm và bổ sung năm 2024; Công văn số 1155 /PGDDĐT-KH ngày 25/11/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà V/v Hướng dẫn công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2024 theo quy định của Luật PCTN. Từ đó nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, lãnh đạo cơ quan đơn vị trường.

3.1 Thuận lợi: Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện Mường Chà đặc biệt là UBKT huyện ủy đã hướng dẫn các văn bản cấp trên về kê khai tài sản, thu nhập.

3.2 Khó khăn: Kê khai tài sản, thu nhập hàng năm theo mẫu mới nên còn bỡ ngỡ.

3.3 Kiến nghị: Trường Mầm non số 2 Sá Tổng kiến nghị UBKT Huyện Ủy, thanh tra huyện quan tâm, chỉ đạo, lãnh đạo sát sao hơn nữa đến trường về hướng dẫn công tác kê khai tài sản, thu nhập hàng năm

Trên đây là báo cáo Kết quả thực hiện công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai thuộc Trường mầm non số 2 Sá Tổng năm 2024.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND Huyện;
- Thanh tra huyện;
- UBND xã;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Lò Thị Liên Dương